

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Thời gian: Đợt 2 (tháng 01/2020)

Căn cứ theo quy chuẩn: QCVN 08:2015 *nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:*

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Không có vị trí nào.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Không có vị trí nào.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt các giới hạn trên. Cầu Thân, Đập Nhật Tựu, Cống Lương Cổ, Cầu Phù Vân - Phủ Lý, Kênh Duy Tiên – Cầu Giẽ, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà – Thường Tín, Kênh Hòa Bình (Thanh Trì).**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên, Sông Đầm.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích sử dụng trên: **Cống Liên Mạc, Cầu Diễn - Từ Liêm, Đập Hà Đông, Cầu Tó, Cầu Xém, Đập Đồng Quan, Sông Cầu Ngà, Đập Thanh Liệt, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am – Vạn Phúc, Kênh La Khê, Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu, Kênh Yên Xá – Thanh Trì.**

Chi tiết thể hiện trong bảng sau:

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cống Liên Mạc	Trời nhiều mây, lạnh, t° = 16°C, độ ẩm 92%, gió BTB 2 km/h, mật độ mây 91%. Dòng chảy chậm ngược ra sông Hồng, mực nước thấp. Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu nâu đục.	7	36.9	1.78	0.3	0.831	1.710	449	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	2	Cầu Diên Từ - Liêm	Trời nhiều mây, mưa phùn, lạnh, t° = 17°C, độ ẩm 95%, gió Bắc 5 km/h, mật độ mây 94%. Dòng chảy rất chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu xanh đen, mùi hôi thối.	7.03	21.1	0.23	0.6	5.089	0.945	767	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	3	Đập Hà Đông	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 85%, gió Bắc 4 km/h, mật độ mây 86%. Đập mở, dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.26	21.2	0.13	0.6	10.800	1.688	859	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												vật thủy sinh.
4	4	Cầu Tó	Trời nhiều mây, lạnh, t° = 19°C, độ ẩm 82%, gió Bắc 5 km/h, mật độ mây 86%. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Trên sông nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.2	21.5	0.3	0.6	13.598	2.453	892	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	5	Cầu Xém	Trời nhiều mây, t° = 20°C, độ ẩm 80%, gió Bắc 3 km/h, mật độ mây 80%. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Trên sông nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.25	30.5	0.42	0.6	12.044	2.183	796	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	6	Đập Đồng Quan	Trời nhiều mây, t° = 20°C, độ ẩm 79%, gió Bắc 5 km/h, mật độ mây 85%. Đập mở thông. Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước thấp. Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.17	20.9	0.4	0.6	10.645	2.385	780	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												vật thủy sinh.
7	7	Cầu Thần	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 77%, gió Nam 10 km/h, mật độ mây 80%. Dòng chảy ngược về thượng lưu. Mực nước thấp. Hai bên bờ sông nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục, đục.	7.42	65.7	4.36	0.3	0.847	0.788	432	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
8	8	Đập Nhật Trụ	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 76%, gió Nam 10 km/h, mật độ mây 82%. Dòng chảy chậm ngược về thượng lưu. Đập mở lấy nước từ sông Đáy vào. Hạ lưu đập dồn ứ nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	7.1	32.5	5.02	0.3	0.699	1.058	367	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	9	Cống Lương Cỏ	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 70%, gió Nam 8 km/h, mật độ mây 78%. Dòng chảy chậm từ sông Đáy. Cống mở thông, nước từ sông Đáy vào. Hai bên sông sạch.	Nước màu xanh lục.	7.26	21.7	5.16	0.3	0.591	1.148	359	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												vật thủy sinh.
10	10	Cầu Phù Vân - Phù Lý	Trời nhiều mây, t° = 23°C, độ ẩm 70%, gió Nam 8 km/h, mật độ mây 78%. Dòng chảy chậm từ sông Đáy vào. Môi trường xung quanh sạch.	Nước màu xanh lục.	7.3	42.9	5.85	0.2	0.466	1.103	345	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Sông Đăm	Trời nhiều mây, lạnh, t° = 16°C, độ ẩm 92%, gió Bắc 2 km/h, mật độ mây 92%. Dòng chảy nhanh ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Sau khi nhập lưu vào sông Nhuệ, nước chảy ngược vào thượng lưu.	Nước màu nâu đục.	6.8	26.9	2.36	0.3	0.754	3.263	397	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	12	Sông Cầu Ngà	Trời nhiều mây, mưa phùn, t° = 17°C, độ ẩm 94%, gió Bắc 5 km/h, mật độ mây 90%. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Trên kênh nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.25	30.5	0.16	0.6	17.016	3.578	879	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												vật thủy sinh.
13	13	Đập Thanh Liệt	Trời nhiều mây, lạnh, t° = 19°C, độ ẩm 85%, gió Bắc 3 km/h, mật độ mây 85%. Đập đóng, không có dòng chảy. Thượng lưu đập dồn ứ nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	7.36	25.9	0.23	0.6	12.587	2.453	854	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	Kênh Xuân La	Trời nhiều mây, mưa phùn, lạnh, t° = 16°C, độ ẩm 94%, gió Bắc 4 km/h, mật độ mây 95%. Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu.	Nước màu vàng đục, mùi hôi thối.	6.96	40.7	0.45	0.7	12.976	2.363	876	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	15	Kênh Phú Đô	Trời mưa phùn, lạnh, t° = 17°C, độ ẩm 94%, gió Bắc 5 km/h, mật độ mây 92%. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Trên kênh nhiều rác thải.	Nước màu đen, đục, mùi hôi thối.	7.09	91.5	0.27	0.6	14.375	2.633	916	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												vật thủy sinh.
16	16	Kênh tiêu Trung Văn	Trời nhiều mây, lạnh, t° = 18°C, độ ẩm 88%, gió BTB 3 km/h, mật độ mây 92%. Công mở hé, dòng chảy chậm, mực nước thấp.	Nước màu vàng đục, mùi hôi thối.	7.15	53.7	0.46	0.6	13.131	2.363	876	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
17	17	Cầu Am – Vạn Phúc	Trời nhiều mây, lạnh, t° = 18°C, độ ẩm 88%, gió Bắc 3 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước thấp. Hai bên kênh nhiều rác thải.	Nước màu đen, mùi hôi thối.	6.96	40.7	0.15	0.6	10.645	2.138	915	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
18	18	Kênh La Khê	Trời nhiều mây, lạnh, t° = 18°C, độ ẩm 88%, gió Bắc 3 km/h, mật độ mây 92%. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước thấp. Trên kênh nhiều bèo và rác thải.	Nước màu xanh đen.	6.85	25.7	0.52	0.6	8.469	1.283	875	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												vật thủy sinh.
19	19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Trời nhiều mây, t° = 20°C, độ ẩm 79%, gió Bắc 5 km/h, mật độ mây 85%. Dòng chảy nhanh về phía sông Đáy. Phía thượng lưu cầu khoảng 100m đang tiêu nước từ nội đồng ra kênh Vân Đình.	Nước màu nâu đục.	7	215.7	3.26	0.3	1.476	1.103	459	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
20	20	Kênh Duy Tiên – Cầu Giẽ	Trời nhiều mây, t° = 22°C, độ ẩm 77%, gió Nam 10 km/h, mật độ mây 80%. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Trên kênh có rác thải.	Nước màu nâu đục.	7.26	81.9	4.05	0.3	0.668	0.068	417	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
21	21	Kênh Yên Xá – Thanh Trì	Trời nhiều mây, lạnh, t° = 19°C, độ ẩm 85%, gió Bắc 4 km/h, mật độ mây 86%. Cống mở hé, dòng chảy chậm tiêu nước ra sông Nhuệ. Mực nước thấp, hai bên kênh nhiều rác thải.	Nước màu xanh đen, đục, mùi hôi thối.	7.36	61.5	0.16	0.6	20.124	0.833	1075	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												vật thủy sinh.
22	22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà – Thường Tín	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 80%, gió Bắc 3 km/h, mật độ mây 80%. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước cao. Dưới chân cầu nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	7.3	27.9	4.59	0.2	0.668	0.036	354	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
23	23	Kênh Hòa Bình (Thanh Trì)	Trời nhiều mây, lạnh, t° = 19°C, độ ẩm 82%, gió Bắc 5 km/h, mật độ mây 86%. Cống đóng, không có dòng chảy, mực nước cao. Trên kênh người dân chăn nuôi nhiều vịt.	Nước màu xanh lục.	7.54	30.5	4.26	0.2	0.824	0.171	406	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.